

DANH SÁCH HỌC SINH TRUNG CẤP TỐT NGHIỆP NĂM 2026
(Kèm theo Thông báo ngày 06/04/2026 của Phòng Công tác học sinh, sinh viên)

TT	MSHS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Ngành/Nghề đào tạo	Xếp loại tốt nghiệp	Số hiệu bằng TN	Ghi chú
1.	19CNO2.48	Nguyễn Hoàng Đăng Khoa	21/4/2004	Công nghệ ô tô	Khá	TC01202	
2.	20TKĐH2.119	Phạm Phúc Thành	05/11/2003	Vẽ và thiết kế trên máy tính	Trung bình	TC01203	
3.	20SCMT2.027	Nguyễn Quốc Hào	23/01/2004	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	Khá	TC01204	
4.	21CDT2.001	Lê Quang Hợp	09/3/2006	Cơ điện tử	Giỏi	TC01205	
5.	21TKĐH2.180.Q6	Huỳnh Thị Ngân Vy	27/12/2006	Vẽ và thiết kế trên máy tính	Khá	TC01206	
6.	21TKĐH2.115	Lâm Tuấn Lương	12/9/2006	Vẽ và thiết kế trên máy tính	Trung bình	TC01207	
7.	21QTM2.091	Nguyễn Trung Hậu	27/10/2005	Vẽ và thiết kế trên máy tính	Trung bình	TC01208	
8.	21QTM2.086	Mai Phước Huy	07/12/2006	Quản trị mạng máy tính	Khá	TC01209	
9.	21QTM2.077	Đinh Như Trội	14/11/2006	Quản trị mạng máy tính	Trung bình	TC01210	
10.	22TKĐH1.013	Bùi Khắc Thành	12/7/2003	Vẽ và thiết kế trên máy tính	Trung bình	TC01211	
11.	22CNO1.015	Trương Anh Tuấn	15/5/2005	Công nghệ ô tô	Khá	TC01212	
12.	22TKĐH2.049	Nguyễn Thụy Ánh Linh	15/10/2007	Vẽ và thiết kế trên máy tính	Khá	TC01213	
13.	22TKĐH2.093	Chia Zhi Shan	19/02/2007	Vẽ và thiết kế trên máy tính	Khá	TC01214	
14.	22TKĐH2.097	Trần Trí Thiện	29/11/2007	Vẽ và thiết kế trên máy tính	Khá	TC01215	
15.	22TKĐH2.114	Huỳnh Lê Phương Uyên	25/7/2007	Vẽ và thiết kế trên máy tính	Trung bình	TC01216	

TT	MSHS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Ngành/Nghề đào tạo	Xếp loại tốt nghiệp	Số hiệu bằng TN	Ghi chú
16.	22QTM2.067	Huỳnh Thái Tú	08/5/2006	Quản trị mạng máy tính	Khá	TC01217	
17.	22CNO2.018	Võ Thành Đạt	13/10/2007	Công nghệ ô tô	Khá	TC01218	
18.	22CNO2.077	Nguyễn Nhật Nam	19/11/2006	Công nghệ ô tô	Khá	TC01219	
19.	22CNO2.089	Nguyễn Huy Thiên Nhân	02/01/2007	Công nghệ ô tô	Khá	TC01220	
20.	22CNO2.153	Trần Khánh Tùng	26/10/2004	Công nghệ ô tô	Khá	TC01221	
21.	22CNO2.020	Võ Phú Đức	28/02/2007	Công nghệ ô tô	Khá	TC01222	
22.	22CNO2.134	Dương Minh Trí	19/8/2006	Công nghệ ô tô	Trung bình	TC01223	
23.	22ĐTCN2.005	Hoàng Nguyễn Ngọc Huy	13/3/2006	Điện công nghiệp	Khá	TC01224	
24.	22MTT2.001	Hoàng Ngọc Phương Anh	02/10/2007	May thời trang	Khá	TC01225	
25.	22MTT2.018	Lê Thị Thùy Vân	05/8/2007	May thời trang	Trung bình	TC01226	
26.	22KTL2.007	Lưu Trí Hoàn	02/10/2007	Kỹ thuật máy lạnh và điều hoà không khí	Giỏi	TC01227	
27.	22CDL2.001	Dương Thái Anh	09/7/2007	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	Giỏi	TC01228	
28.	22CDL2.011	Trần Quang Khương	22/11/2007	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	Giỏi	TC01229	
29.	22CDL2.027	Nguyễn Lê Tấn Tài	02/11/2007	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	Giỏi	TC01230	
30.	23BCK2.008	Trần Minh Hoàng	24/02/2006	Bảo trì hệ thống thiết bị cơ khí	Khá	TC01231	
31.	23CĐT2.006	Trần Quốc Thông	06/3/1990	Cơ điện tử	Xuất sắc	TC01232	
32.	23CGKL1.001	Hồ Văn An	26/06/2002	Cắt gọt kim loại	Xuất sắc	TC01233	
33.	23CGKL1.005	Trương Minh Trí	30/9/2005	Cắt gọt kim loại	Giỏi	TC01234	
34.	23CGKL2.009	Hồng Chấn Tín	25/11/2008	Cắt gọt kim loại	Khá	TC01235	
35.	23ĐTCN2.007	Trần Văn Mong	18/11/1999	Điện tử công nghiệp	Xuất sắc	TC01236	
36.	23ĐTCN2.008	Tạ Tấn Phong	24/12/2008	Điện tử công nghiệp	Khá	TC01237	

TT	MSHS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Ngành/Nghề đào tạo	Xếp loại tốt nghiệp	Số hiệu bằng TN	Ghi chú
37.	23SCMT2.011	Nguyễn Đức Mạnh	27/12/1996	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	Xuất sắc	TC01238	
38.	23SCMT2.012	Nguyễn Công Thành	16/9/1997	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	Xuất sắc	TC01239	
39.	23SCMT1.002	Trần Ngọc Đăng Trường	10/10/2005	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	Khá	TC01240	
40.	23SCMT1.001	Nguyễn Huỳnh Tuấn Anh	13/5/2005	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	Khá	TC01241	
41.	23CDL1.002	Phạm Hiếu Nghĩa	23/6/2005	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	Khá	TC01242	
42.	23BCK2.001	Trần Nguyễn Anh Hải	19/6/2008	Bảo trì hệ thống thiết bị cơ khí	Xuất sắc	TC01243	
43.	23BCK2.002	Nguyễn Minh Huân	12/9/2008	Bảo trì hệ thống thiết bị cơ khí	Giỏi	TC01244	
44.	23BCK2.006	Phan Minh Tấn	12/3/2008	Bảo trì hệ thống thiết bị cơ khí	Khá	TC01245	
45.	23BCK2.003	Nguyễn Duy Khang	02/8/2008	Bảo trì hệ thống thiết bị cơ khí	Khá	TC01246	
46.	23CĐT2.001	Vũ Hùng Gia Huy	22/3/2008	Cơ điện tử	Giỏi	TC01247	
47.	23CĐT2.004	Trần Hoàng Minh Phi	16/9/2008	Cơ điện tử	Giỏi	TC01248	
48.	23CĐT2.003	Phạm Nguyễn Bình Nguyên	11/8/2008	Cơ điện tử	Khá	TC01249	
49.	23CĐT2.005	Bùi Thanh Phong	02/10/2008	Cơ điện tử	Khá	TC01250	
50.	23CNO2.145	Võ Ngọc Minh	07/11/2002	Công nghệ ô tô	Giỏi	TC01251	
51.	23CNO2.064	Trương Gia Minh	10/10/2004	Công nghệ ô tô	Giỏi	TC01252	
52.	23CNO2.095	Bùi Viết Thanh	14/02/1977	Công nghệ ô tô	Giỏi	TC01253	
53.	23CNO2.110	Vũ Minh Trung	03/01/2008	Công nghệ ô tô	Giỏi	TC01254	
54.	23CNO2.009	Nguyễn Duy Bình	07/11/2007	Công nghệ ô tô	Giỏi	TC01255	
55.	23CNO2.092	Nguyễn Tấn Thắng	30/4/2008	Công nghệ ô tô	Giỏi	TC01256	
56.	23CNO2.002	Đoàn Hồng Quốc Anh	29/10/2008	Công nghệ ô tô	Khá	TC01257	
57.	23CNO2.083	Nguyễn Minh Phúc	10/12/2008	Công nghệ ô tô	Khá	TC01258	

TT	MSHS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Ngành/Nghề đào tạo	Xếp loại tốt nghiệp	Số hiệu bằng TN	Ghi chú
58.	23CNO2.147	Trần Vũ Duy	16/3/2005	Công nghệ ô tô	Khá	TC01259	
59.	23CNO2.118	Nguyễn Tấn Vương	30/7/2008	Công nghệ ô tô	Khá	TC01260	
60.	23CNO2.008	Trần Duy Bảo	17/10/2005	Công nghệ ô tô	Khá	TC01261	
61.	23CNO2.088	Nguyễn Phát Anh Tài	28/6/2008	Công nghệ ô tô	Khá	TC01262	
62.	23CNO2.016	Trương Minh Đô	13/12/2008	Công nghệ ô tô	Khá	TC01263	
63.	23CNO2.027	Trần Quang Duy	13/4/2008	Công nghệ ô tô	Khá	TC01264	
64.	23CNO2.061	Trần Hoàng Long	13/9/2008	Công nghệ ô tô	Khá	TC01265	
65.	23CNO2.025	Nguyễn Ngô Nhật Duy	16/12/2008	Công nghệ ô tô	Khá	TC01266	
66.	23CNO2.115	Huỳnh Trí Vĩ	15/5/2008	Công nghệ ô tô	Khá	TC01267	
67.	23CNO2.051	Phạm Hòa Khang	14/4/2008	Công nghệ ô tô	Khá	TC01268	
68.	23CNO2.030	Nguyễn Tô Đông Hiếu	19/10/2008	Công nghệ ô tô	Khá	TC01269	
69.	23CNO2.045	Nguyễn Minh Khang	14/02/2008	Công nghệ ô tô	Khá	TC01270	
70.	23CNO2.041	Phạm Gia Huy	09/7/2008	Công nghệ ô tô	Khá	TC01271	
71.	23CNO2.097	Tăng Trí Thành	27/10/2008	Công nghệ ô tô	Khá	TC01272	
72.	23CNO2.114	Võ Thanh Tùng	24/7/2007	Công nghệ ô tô	Khá	TC01273	
73.	23CNO2.039	Lý Quốc Huy	14/5/2008	Công nghệ ô tô	Khá	TC01274	
74.	23CNO2.090	Trịnh Văn Tài	02/4/2008	Công nghệ ô tô	Khá	TC01275	
75.	23CNO2.098	Lê Thiện	26/8/2008	Công nghệ ô tô	Khá	TC01276	
76.	23CNO2.028	Trần Thanh Duy	22/9/2008	Công nghệ ô tô	Khá	TC01277	
77.	23CNO2.022	Bùi Phi Anh Duy	14/4/2008	Công nghệ ô tô	Khá	TC01278	
78.	23CNO2.053	Dương Lê Minh Khoa	25/11/2008	Công nghệ ô tô	Khá	TC01279	

TT	MSHS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Ngành/Nghề đào tạo	Xếp loại tốt nghiệp	Số hiệu bằng TN	Ghi chú
79.	23CNO2.055	Phạm Trung Kiên	15/9/2008	Công nghệ ô tô	Khá	TC01280	
80.	23CNO2.059	Nguyễn Tấn Lộc	13/4/2008	Công nghệ ô tô	Trung bình	TC01281	
81.	23CNO2.079	Huỳnh Gia Phú	19/12/2007	Công nghệ ô tô	Trung bình	TC01282	
82.	23CNO2.087	Nguyễn Tấn Sang	02/4/2008	Công nghệ ô tô	Trung bình	TC01283	
83.	23CNO2.100	Nguyễn Ngọc Thiện	13/8/2008	Công nghệ ô tô	Trung bình	TC01284	
84.	23CNO2.096	Dah Nguyễn Huy Thành	04/6/2008	Công nghệ ô tô	Trung bình	TC01285	
85.	23CNO2.047	Lý Trí Khang	06/7/2008	Công nghệ ô tô	Trung bình	TC01286	
86.	23CNO2.069	Phạm Việt Thanh Nhân	07/7/2008	Công nghệ ô tô	Trung bình	TC01287	
87.	23CNO2.044	Omarali Jamin	11/6/2008	Công nghệ ô tô	Trung bình	TC01288	
88.	23CNO2.068	Phạm Đăng Nguyên	26/7/2008	Công nghệ ô tô	Trung bình	TC01289	
89.	23CNO2.106	Lê Văn Trung	06/6/2008	Công nghệ ô tô	Trung bình	TC01290	
90.	23CNO2.004	Nguyễn Đào Nhật Anh	16/12/2008	Công nghệ ô tô	Trung bình	TC01291	
91.	23CGKL2.006	Huỳnh Hữu Lộc	29/02/2008	Cắt gọt kim loại	Giỏi	TC01292	
92.	23CGKL2.005	Lê Trung Kiên	12/9/2008	Cắt gọt kim loại	Giỏi	TC01293	
93.	23CGKL2.001	Liên Quốc Bảo	23/8/2007	Cắt gọt kim loại	Khá	TC01294	
94.	23CGKL2.007	Trương Đông Thắng	15/8/2007	Cắt gọt kim loại	Khá	TC01295	
95.	23CGKL2.003	Nguyễn Minh Khang	13/5/2008	Cắt gọt kim loại	Trung bình	TC01296	
96.	23CGKL2.002	Lý Tuấn Đạt	31/10/2008	Cắt gọt kim loại	Trung bình	TC01297	
97.	23CGKL2.010	Lê Minh Tâm	22/7/2008	Cắt gọt kim loại	Trung bình	TC01298	
98.	23ĐTCN2.001	Nguyễn Minh Hoàng	25/10/2001	Điện tử công nghiệp	Xuất sắc	TC01299	
99.	23ĐTCN2.003	Huỳnh Văn Phát	07/12/2008	Điện tử công nghiệp	Giỏi	TC01300	

TT	MSHS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Ngành/Nghề đào tạo	Xếp loại tốt nghiệp	Số hiệu bằng TN	Ghi chú
100.	23ĐTCN2.006	Lê Quốc Thịnh	08/10/2008	Điện tử công nghiệp	Giỏi	TC01301	
101.	23ĐTCN2.002	Trần Bửu Lợi	19/11/2007	Điện tử công nghiệp	Khá	TC01302	
102.	23ĐTCN2.005	Nguyễn Minh Quang	30/11/2008	Điện tử công nghiệp	Trung bình	TC01303	
103.	23ĐTCN2.004	Nguyễn Đại Phúc	03/8/2008	Điện tử công nghiệp	Trung bình	TC01304	
104.	23SCMT2.001	Nguyễn Phúc Hòa	18/11/2008	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	Giỏi	TC01305	
105.	23SCMT2.008	Nguyễn Minh Tài	17/10/2008	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	Giỏi	TC01306	
106.	23SCMT2.005	Tăng Khánh Phát	16/4/2008	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	Khá	TC01307	
107.	23MTT2.002	Lâm Tuyết Ngân	04/8/2006	May thời trang	Giỏi	TC01308	
108.	23MTT2.007	Trần Nhã Quỳnh	19/10/2004	May thời trang	Giỏi	TC01309	
109.	23MTT2.005	Nguyễn Bùi Mỹ Tuyền	22/4/2004	May thời trang	Khá	TC01310	
110.	23CĐL2.009	Nguyễn Trần Anh Phương	02/01/2008	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	Giỏi	TC01311	
111.	23CĐL2.002	Lưu Minh Đại	17/8/2008	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	Giỏi	TC01312	
112.	23CĐL2.016	Trần Hoàng Tuấn Đạt	14/4/2005	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	Giỏi	TC01313	
113.	23CĐL2.003	Nguyễn Công Danh	08/5/2008	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	Giỏi	TC01314	
114.	23BCK2.007	Nguyễn Thới Minh Vũ	18/3/2008	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	Khá	TC01315	
115.	23KTL2.004	Ngô Duy Hải	06/6/2008	Kỹ thuật máy lạnh và điều hoà không khí	Khá	TC01316	
116.	23KTL2.002	Đình Công Danh	04/01/2008	Kỹ thuật máy lạnh và điều hoà không khí	Khá	TC01317	
117.	22CNO2.058	Vũ Nguyên Khôi	16/03/2006	Công nghệ ô tô	Khá	TC01318	

OK